TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST Ngày 05-01-2018 V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Năm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Khắc Quyết

2. Ông Trần Thế Sự

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1988; đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Đ, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quang L (tên gọi khác: Nguyễn Quang S), sinh năm 1982; đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Đ, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại: Trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10-10-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đoàn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới vào tháng 3/2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bàng

La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 13-3-2008. Thời gian đầu sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với bố mẹ đẻ của anh L tại tổ dân phố Đ, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; đến cuối năm 2009, anh chị về chung sống cùng với mẹ đẻ của chị tại tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L nghiện ma tuý, không chịu khó làm ăn để lo cho gia đình, vợ con. Chị và gia đình 2 bên đã tác động, khuyên anh L từ bỏ ma tuý để nuôi dạy con cái cho tốt nhưng anh L không nghe mà ngày càng nghiện nặng hơn.Chính vì vậy, giữa anh chị thường xuyên xảy ra việc xô xát, cãi vã, xúc phạm và dẫn đến không còn quan tâm đến nhau nữa. Năm 2014, anh L bị bắt và bị Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy xử phạt 66 tháng tù về hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 22-4-2008 và cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 16-5-2011. Ly hôn, chị nhận nuôi cả 02 con, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16-11-2017, bị đơn là anh Nguyễn Quang L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như chị N trình bày. Sau khi kết hôn giữa anh, chị N sống hòa thuận và hạnh phúc. Đến ngày 05-6-2014, anh bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý và bị Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy xử phạt 66 tháng tù. Trong thời gian anh chấp hành án, chị N và các con vẫn sang thăm anh. Đến tháng 5/2017, anh gọi điện thoại cho chị N nhưng chị N không nghe máy nên anh không còn tin tưởng chị N, khi chị N sang thăm thì vợ chồng có xảy ra cãi vã lẫn nhau, nên từ đó đến nay vợ chồng anh chị không còn gặp ngỡ và quan tâm gì đối với nhau. Nay chị N làm đơn xin ly hôn với anh, anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị N, anh mong muốn sau khi anh chấp hành án xong vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi dạy con và xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung như chị N trình bày. Hiện các con đang do chị N nuôi dưỡng. Nếu Tòa giải quyết cho anh chị ly hôn, anh đề nghị chị N có trách nhiệm nuôi dưỡng các con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị N sẽ tự thỏa thuận, giải quyết với nhau.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của người tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân, đề nghị xử cho chị N được ly hôn anh L.

Về con chung, đề nghị giao cháu Vân A và cháu Tuấncho chị N nuôi dưỡng.

Về án phí, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa anh L vắng mặt nhưng anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị N và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 13-3-2008 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nay, chị N có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh L, đây là tranh chấp về ly hôn và nuôi con. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N trình bày, anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu xuất phát từ việc anh L nghiện ma tuý, không chịu lao động để lo cho gia đình, vợ con dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Anh L trình bày, sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận và hạnh phúc; đến tháng 5/2017, do anh không liên lạc được nên anh không tin tưởng chị N dẫn đến việc vợ chồng xảy ra cãi vã nhau, từ đó đến nay, vợ chồng không còn gặp gỡ và quan tâm gì đối với nhau.

[4] Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị N, anh L, tổ dân phố Q (nơi chị N và anh L chung sống) về tình trạng hôn nhân của chị N và anh L, được cung cấp như sau: Trong thời gian chung sống, chị N và anh L có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc anh L nghiện ma tuý dẫn đến việc anh chị xảy ra nhiều bất đồng, cãi vã, xô xát; khi anh L chấp hành án phạt tù tại trại giam, anh L có nghi ngờ chị N sống không chung thủy nên khi gặp nhau, anh chị xảy ra cãi vã, chính vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Cả hai bên gia đình đã tác động, khuyên giải cho anh chị nhưng không có kết quả. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh L, hai bên gia đình không có ý kiến gì, tùy anh chị tự quyết định.

[5] Xét thấy, hôn nhân của chị N và anh L đã đến mức độ trầm trọng, vợ chồng thiếu sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Anh L hiện đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam X, thời gian anh L còn phải chấp hành án tương đối dài; mặt khác, chị N kiên quyết xin ly hôn nên việc hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh chị là rất khó. Do vậy, việc xin ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Chị N và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 22-4-2008 và cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 16-5-2011. Xét thấy, các cháu hiện đang sống cùng chị N tại nhà bà Đoàn Thị N1 (là mẹ đẻ chị N) tại tổ dân phố Q, phường H và đều đang học các trường tại phường H; các cháu có cuộc sống, sinh hoạt, học tập ổn định; chị N làm lao động tự do nhưng có cửa hàng kinh doanh riêng, thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng, nên đảm bảo được việc nuôi dưỡng cả hai con. Hơn nữa, cả chị N và anh L đều thống nhất khi ly hôn sẽ giao các cháu cho chị N nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của cháu Vân A nên cần chấp nhận. Chị N không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh L.

[7] Về tài sản chung: Chị N và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227;khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Xử cho chị Đoàn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Quang L (tên gọi khác là Nguyễn Quang S).

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 22-4-2008 và cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 16-5-2011 cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh L vì chị N không yêu cầu, hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009532 ngày 16-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Các đương sự;
- UBND phường Bàng La;
- Lưu: VT,hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Năm